TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1599**/2023/QĐST-HNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 21 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1240/2023/TLST-VHNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn Trần T, sinh năm 1988

Bà Cao Thị Kim P, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: 12 Nguyễn Xí, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Trần T và bà Cao Thị Kim P tự nguyện yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 127/2015, quyển số 01/2015 ngày 30/9/2015.

Quá trình sống chung, hai bên sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng sau đó hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có sự tôn trọng nhau. Cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không đạt được mục đích hôn nhân. Ông T và bà P đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông T và bà P có 01 con chung là trẻ Nguyễn Trần Gia T, sinh ngày 18/11/2015. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi

dưỡng. Hai bên thỏa thuận, ông T cấp dưỡng nuôi con chung cho bà P mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con chung trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: hai bên không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Xét thấy, bà P và ông T thực sự tự nguyện ly hôn và những thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con hoàn toàn phù hợp với qui định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trần T và bà Cao Thị Kim P thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 127/2015, quyển số 01/2015 ngày 30/9/2015 do Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Trần T và bà Cao Thị Kim P hết hiệu lực từ ngày ban hành Quyết định này.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Trần Gia T, sinh ngày 18/11/2015 cho bà Cao Thị Kim P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Trần T cấp dưỡng nuôi con cho bà Phượng 3.000.000 đồng/ tháng đến khi con chung trưởng thành, bắt đầu thi hành từ tháng 9/2023.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, ông T và bà P được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con đúng theo thỏa thuận như trên thì hàng tháng ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Nguyễn Trần T và bà Cao Thị Kim P phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0028065 ngày 21/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, bà P và ông T đã nộp đủ lệ phí.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- UBND Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự (P).

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào